

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ - ST

Ngày 18/10/2017

“V/v ly hôn giữa bà N
và ông V”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm
2. Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 tháng 8 năm 2017 và 18 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2016/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2016 về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2017, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị N – sinh năm 1960 (có mặt)

2/ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Sơn Quả 4, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991 (có mặt)

3.2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Sơn Quả 4, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang.

3.4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang

Địa chỉ Chi nhánh: Khu 2, thị trấn Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 10/4/2016, Bản tự khai ngày 18/6/2016, nguyên đơn là bà Lưu Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau năm 1990 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa. Quá trình chung sống, mặc dù vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc do ông V là người gia trưởng, bạo lực nhưng vợ chồng vẫn chung sống đến tháng 11/2015 thì bà phải chuyển ra ngoài, không thể tiếp tục chung sống cùng ông V được nữa, vợ chồng bà chấm dứt quan hệ từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn anh Hùng.

Tại Bản tự khai ngày 22/5/2016 và ý kiến trình bày trong các biên bản làm việc, bị đơn là ông Nguyễn Văn V thừa nhận thời gian kết hôn như bà N đã khai. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra xô sát, đánh cãi nhau. Ông có đánh đập bà N và bà N đã cùng với con trai (Sơn) và e gái bà N đánh, làm nhục ông. Nay bà N xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: bà N và ông V đều trình bày, vợ chồng ông bà có hai con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/12/1991 và Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 13/6/1994. Hiện cả hai con của ông bà đều đã trưởng thành, lấy vợ, lấy chồng ở riêng nên khi ly hôn cả hai ông bà đều không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản: Bà N trình bày, quá trình chung sống cho đến khi ly thân nhau, vợ chồng bà đã phát triển được các tài sản sau: Đất thổ cư 240m², nhà ở, sân gạch, nhà tắm, công trình phụ, bàn ghế, tủ, vô tuyến, xe máy, tủ lạnh, máy giặt, bò, lợn và các tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình, tổng giá trị ước tính 413.000.000đ. Khi ly hôn bà đề nghị chia tài sản chung, bên nào quản lý sở hữu tài sản bằng hiện vật thì trả cho bên kia bằng tiền tương đương số tiền 200.000.000đ.

Ông V thừa nhận vợ chồng có các tài sản là nhà ở, công trình phụ và các tài sản khác là gia súc, đồ dùng, vật dụng trong gia đình như bà N đã khai. Tuy nhiên một số đồ dùng, vật dụng đã cũ hỏng, lợn ông đã bán nhưng không nhớ bán cho ai. Vợ chồng còn có chiếc xe máy Novo LX, đăng ký xe đứng tên con trai là Nguyễn

Văn S và hiện do anh Sơn quản lý. Tiền mua xe là do anh Sơn đi làm có được đưa cho ông, đồng thời ông cũng cho thêm tiền để mua xe này, ông xác định là tài sản chung chứ không phải của riêng anh Sơn. Riêng đất ở, ông xác định vợ chồng đang sử dụng 317m² nhưng có 217m² là đất của bố mẹ ông để lại từ trước khi kết hôn với bà N, vợ chồng chỉ mua thêm 100m². Tuy nhiên ông không nhất trí chia tài sản là đất ở cho bà N vì bà N không có trách nhiệm gì với ông và gia đình ông.

Về công nợ: bà N trình bày, vợ chồng bà thế chấp bìa đỏ đất ở để vay hộ vợ chồng anh Nguyễn Văn H – chị Nguyễn Thị N (anh Hạnh là con riêng của ông V với người vợ trước) số tiền 30.000.000đ, vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện Hiệp Hòa rồi cho vợ chồng anh Hạnh vay lại, nay chưa trả. Ngoài ra, vợ chồng bà còn cho anh Nguyễn Văn Dũng (cũng là con riêng của ông V với vợ trước) vay 1 chỉ vàng 9999. Ban đầu bà yêu cầu anh Dũng phải trả 1 chỉ vàng đã vay và yêu cầu vợ chồng anh Hạnh trả số tiền 30.000.000đ (vay hộ) để ông bà trả Ngân hàng, nhưng sau đó bà đề nghị vì anh Hạnh là con trai riêng của ông V nên Ông V phải có trách nhiệm đòi số nợ đã cho vợ chồng anh hạnh vay và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời bà tự nguyện không yêu cầu anh Dũng trả 1 chỉ vàng đã vay. Ông V thừa nhận có vay Ngân hàng 30.000.000đ, mục đích vay để làm công trình phụ và hầm bioga, ông yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ này.

Về ruộng canh tác: bà N và ông V xác định, tổng diện tích ruộng mà vợ chồng ông bà đang sử dụng gồm có 2.112m², bao gồm định xuất ruộng của vợ chồng bà, của cụ Lư (mẹ đẻ ông V) và con trai ông bà là anh Sơn. Ông bà đề nghị chia theo định suất được địa phương giao.

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 09/02/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do ông Ngô Quý Hùng – Giám đốc Chi nhánh đại diện trình bày: Ngày 31/3/2015, Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa và ông Nguyễn Văn V có ký hợp đồng tín dụng số 2505LAV201501921, hạn mức tín dụng là 50.000.000đ, với mục đích vay vốn: chăn nuôi. Ngày 01/4/2015 nhận nợ 30.000.000đ, hạn trả 31/3/2018. Dư nợ tính đến 09/02/2017 là 30.065.329đ. Trong đó: nợ gốc là 30.000.000đ và nợ lãi trong hạn là 65.329đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V phải thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc 30.000.000đ theo hợp đồng đã ký kết và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt lãi cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị rút đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Hiệp Hòa xin rút yêu cầu đòi nợ đối với ông V do ông V đã trả hết nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Văn H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Khi làm nhà vợ chồng anh (vợ anh là chị Nguyễn Thị N) có nhờ ông V, bà N đứng ra vay hộ 30.000.000đ. Ông V đã vay Ngân hàng Nông nghiệp 30.000.000đ để cho vợ chồng anh vay. Đến nay vợ chồng anh đã trả trực tiếp cho ông V nên không còn nợ nữa.

Tại phiên tòa, bà N, anh Sơn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn là ông V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hạnh, chị Nết và đại diện Ngân hàng Agri bank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý thức chấp hành pháp luật. Đề nghị HĐXX: Xử cho bà N được ly hôn ông V; Về tài sản: Đề nghị giao cho ông V được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và tài sản riêng là quyền sử dụng đất có trước khi kết hôn, tổng trị giá 173.523.000đ nhưng ông V phải có nghĩa vụ trích chia tài sản chung cho bà N 53.250.000đ và trích chia công sức cho bà N số tiền 25.000.000đ. Tổng cộng, bà N được sở hữu số tiền 78.250.000đ do ông V trả; Anh Sơn được sở hữu tài sản riêng là chiếc xe máy Novo LX. Về ruộng canh tác, đề nghị chia cho bà N, ông V, anh Sơn theo định suất quy định tại địa phương. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa. Về án phí: Miễn án phí dân sự cho ông V; Bà N phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung; Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Sơn, Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa. Về chi phí định giá, bà N thỏa thuận chịu cả nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù bị đơn là ông Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hạnh, chị Nết và đại diện Ngân hàng Agri bank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với họ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Lưu Thị N và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau năm 1990 trên cơ sở tự nguyện

và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có thời gian hòa thuận và đã có hai con chung nhưng thời gian gần đây xảy ra xô sát bất hòa, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, ông V đánh bà N rồi bị bà N cùng con trai đánh lại. Từ tháng 11/2015 ông bà sống ly thân nhau, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Cho đến nay, ông bà không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, cả hai đều không có nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần xử cho bà N được ly hôn ông V là phù hợp quy định tại Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Văn S, sinh ngày 10/12/1991 và Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 13/6/1994. Hiện cả hai con của ông bà đều đã trưởng thành, lấy vợ, lấy chồng ở riêng. Cả hai ông bà đều không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Căn cứ vào lời khai của bà N, ông V tại các bản tự khai, Biên bản hòa giải và Biên bản lấy lời khai, các đương sự đều thừa nhận và thống nhất phát triển được các tài sản chung gồm có: ngôi nhà ở 4 gian; 01 nhà ăn; 01 nhà tắm; 01 nhà vệ sinh; 01 gian bếp; 01 nhà ngang; khu chăn nuôi; sân gạch; tường hoa trước cửa nhà; làm cổng và cánh cổng ra vào; 01 hầm bioga; 01 bộ bàn ghế salon; 01 tủ gỗ; 01 chiếc giường; 01 bộ dàn âm thanh; 01 tủ bát nhôm kính; 01 bộ bếp, bình ga; 01 bình nóng lạnh; 01 bình Thái Dương năng; 02 téc nước; 01 xe máy BKS 98 N9-0371; 01 con bò. Tổng giá trị các tài sản kể trên theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/01/2017 là 73.500.000đ.

Ngoài các tài sản chung mà bà N và ông V đều thừa nhận ở trên, ông bà còn thừa nhận ngoài diện tích đất ở mà ông V có từ trước (trước khi ông V kết hôn với bà N) thì quá trình chung sống, ông bà còn mua được diện tích 100m² đất ở liền kề với đất ở cũ, hiện hợp nhất trong tổng diện tích đo thực tế mà ông bà sử dụng là 303,1m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 714157 ngày 27/10/2000 của UBND huyện Hiệp Hòa thì diện tích ông bà được sử dụng là 317m²). Nay cần xem xét quyền sử dụng 100m² đất ở (trị giá 33.000.000đ) mà ông bà mua thêm là tài sản chung của ông bà để xem xét phân chia cho ông bà theo luật định. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của ông bà là 106.500.000đ. Chia cho ông bà mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, tương đương với số tiền 53.250.000đ.

Đối với diện tích đất ở còn lại là tài sản riêng của ông V, do ông V có từ trước khi kết hôn, không có chứng cứ, tài liệu nào xác định ông V tự nguyện nhận

vào tài sản chung của vợ chồng nên nay cần giao cho ông V được sử dụng nhưng cần xem xét buộc ông V phải trích chia cho bà N một khoản tiền do bà N có công sức duy trì, bảo quản, tôn tạo đối với đất ở này.

Đối với chiếc xe máy Novo LX BKS 98D1-05101 hiện anh Sơn đang quản lý, anh Sơn yêu cầu được sử dụng vì cho rằng là tài sản riêng của anh, do anh đứng tên nhưng hiện ông V đang giữ đăng ký xe. Ông V cho rằng đây là tài sản chung vì tiền mua xe có cả tiền của ông cho thêm, đồng thời ông còn yêu cầu xem xét đối với cả hai chiếc giường mà bà N đã đem đi. Tuy nhiên, sau khi nghe giải thích về việc làm đơn yêu cầu và phải xem xét định giá, ông V không yêu cầu gì nữa. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Sơn, giao cho anh Sơn được sở hữu chiếc xe Novo, buộc ông V phải trả đăng ký xe cho anh Sơn.

Ngoài các tài sản đã xem xét ở trên, còn có một số tài sản khác mà bà N yêu cầu khi khởi kiện, nhưng tại thời điểm định giá tài sản không còn nữa hoặc đã hư hỏng, bà N tự nguyện không yêu cầu xem xét phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về công nợ: Đối với yêu cầu của Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa yêu cầu ông V phải trả khoản nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh nhưng sau đó, do ông V đã trả hết nợ nên Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa có đơn xin rút đơn khởi kiện, cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 – Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa.

Đối với khoản nợ mà bà N khai cho anh Dũng (con riêng của ông V) vay 1 chỉ vàng 9999, nay bà N tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về ruộng canh tác: Căn cứ vào lời khai, tài liệu của các đương sự xuất trình và qua thu thập chứng cứ, xác định ông V, bà N, anh Sơn đang sử dụng 06 thửa bao gồm: 02 thửa ở Suối (1 thửa 10 thước, 1 thửa 02 thước); 04 thửa ở Bờ Thành (trong đó có 2 thửa đều có diện tích 1 sào 4 thước và hai thửa đều có diện tích 10 thước). Theo quy định của địa phương thì mỗi định suất được chia 21,5 thước. Hiện bà N và anh Sơn đang sử dụng hai thửa ở Suối. Ông V đang sử dụng cả 4 thửa ở Bờ Thành và ngoài ra còn sử dụng 4 thửa của mẹ đẻ ông V (là bà Lư) gồm 2 thửa ở Bờ Ngòi và 2 thửa ở bờ Thành. Căn cứ Bản đồ số 37 được đo vẽ năm 2013 (mặc dù Bản đồ này chưa được sử dụng chính thức nhưng hiện địa phương đã sử dụng để theo dõi diện tích ruộng của từng hộ, đồng thời được bà N xác nhận phù hợp với diện tích ruộng mà hiện nay gia đình bà đang sử dụng) thì bà N đang sử dụng thửa 35 với diện tích 241,5 m² (giáp ruộng của hộ ông Bằng, ông Tuyên và

ông Hào), thửa 21 với diện tích 63,5 m² (giáp ruộng của hộ ông Thời, ông Thái và bà Lự); ông V đang sử dụng thửa 145 với diện tích 467,1m² (giáp ruộng của hộ ông Trường, ông Chiến, ông Đa), thửa 207 diện tích 246,1m² (giáp ruộng của hộ ông Dũng, ông Lâm), thửa 212 diện tích 263,8m² (giáp ruộng ông Xuân, ông Hiền, ông Lộc), thửa 229 diện tích 485,3m² (giáp hộ ông Lâm, ông Hậu, ông Mai). Ông V còn sử dụng ruộng của bà Lư (mẹ đẻ) gồm các thửa số 1, 2, 191, 210.

Căn cứ vào định suất ruộng theo tiêu chuẩn do địa phương quy định, đồng thời căn cứ vào thực trạng đang sử dụng của từng người, theo yêu cầu của bà N và anh Sơn yêu cầu được chia chung ruộng canh tác, cần giao cho bà N và anh Sơn được sử dụng các thửa 21, 35, 145, 207 với tổng diện tích là 1018,2m²; giao cho ông V được sử dụng các thửa 212, 229 với tổng diện tích 749,1m².

Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật. Ông V được miễn nộp án phí do là người già. Anh Sơn không phải chịu án phí đối với tài sản riêng được sử dụng. Ngân hàng Agribank không phải chịu án phí dân sự nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí định giá: số tiền chi phí định giá là 1.800.000đ, bà N đã nộp đủ và tự nguyện chịu cả nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với ông V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 217, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (2015); Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị N được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2/ Về tài sản: Giao cho ông Nguyễn Văn V được sử dụng 303,1m² đất thổ cư tại thôn Sơn Quả 4, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang và được sở hữu các tài sản gồm có: ngôi nhà ở 4 gian; 01 nhà ăn; 01 nhà tắm; 01 nhà vệ sinh; 01 gian bếp; 01 nhà ngang; khu chăn nuôi; sân gạch; tường hoa trước cửa nhà; cổng và cánh cổng ra vào; 01 hầm bioga gắn liền với quyền sử dụng đất đó và được sở hữu 01 bộ bàn ghế salon; 01 tủ gỗ; 01 chiếc giường; 01 bộ dàn âm thanh; 01 tủ bát nhôm kính; 01 bộ bếp, bình ga; 01 bình nóng lạnh; 01 bình Thái Dương năng; 02 téc nước; 01 xe máy BKS 98 N9-0371; 01 con bò hiện ông đang quản lý, tổng giá trị tài sản là 173.523.000đ.

Ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ chia tài sản bằng tiền cho bà Lưu Thị N là 53.250.000đ và trích chia công sức cho bà N số tiền 25.000.000đ, tổng cộng là 78.250.000đ.

Anh Nguyễn Văn S được sở hữu chiếc xe Novo LX BKS 98D1-05101 là tài sản riêng của anh do anh đang quản lý; ông Nguyễn Văn V phải trả lại đăng ký xe cho anh Nguyễn Văn S.

Về ruộng canh tác: Giao cho bà Lưu Thị N và anh Nguyễn Văn S được sử dụng 1018,2 m² bao gồm 4 thửa thuộc tờ Bản đồ số 37, cụ thể là: thửa 21 với diện tích 63,5 m² (giáp ruộng của hộ ông Thời, ông Thái và bà Lự); thửa 35 diện tích 241,5 m² (giáp ruộng của hộ ông Bằng, ông Tuyên và ông Hào); thửa 145 diện tích 467,1m² (giáp ruộng của hộ ông Trường, ông Chiến, ông Đa); thửa 207 diện tích 246,1m² (giáp ruộng của hộ ông Dũng, ông Lâm). Giao cho ông Nguyễn văn V được sử dụng 749,1m², bao gồm 2 thửa thuộc tờ Bản đồ số 37, cụ thể là: thửa 212 diện tích 263,8m² (giáp ruộng ông Xuân, ông Hiên, ông Lộc) và thửa 229 diện tích 485,3m² (giáp hộ ông Lâm, ông Hậu, ông Mai).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Bà Lưu Thị N phải chịu 200.000đ án phí ly hôn và 2.662.500đ tiền án phí chia tài sản, tổng cộng là 2.862.500đ. xác nhận bà N đã nộp tạm ứng án phí 10.500.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000314 ngày 09/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Khấu trừ vào tiền án phí phải nộp, hoàn trả lại cho bà N số tiền 7.637.500đ.

- Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn văn V.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn S số tiền 375.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004831 ngày 07/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.
- Trả lại cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Hiệp Hòa số tiền 750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004726 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Chi phí định giá: Bà Lưu Thị N thỏa thuận chịu cả 1.800.000đ tiền chi phí định giá tài sản (bà N đã nộp đủ).

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS Hiệp Hòa
- UBND xã Lương Phong
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu mạnh Hà

